TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TU** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2019/HS-ST
Ngày: 16-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số 102/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2019 về tội "Trộm cắp tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Cao K (tên gọi khác P), sinh năm 1991 tại tỉnh G; giới tính: Nam; nơi thường trú: Ấp 4, xã V, huyện A, tỉnh G; tạm trú: Khu phố H, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 8/12; con ông H, sinh năm 1964 và bà T, sinh năm 1963; có vợ tên H, sinh năm 1997; có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Bản án số 249/2010/HSST ngày 06/10/2010 của Tòa án nhân dân huyện (nay là thị xã) Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù về tội "Cướp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/8/2011, chấp hành xong về án phí vào ngày 15/3/2011.

+ Bản án số 74/2014/HSST ngày 06/3/2014 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 09/5/2015, chấp hành xong về án phí vào ngày 06/3/2014.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/4/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên toà.

2. **Trần Minh L,** sinh năm 1998 tại tỉnh Đồng Tháp; giới tính: Nam; nơi thường trú: Ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: Khu phố L, phường G, thị

xã A, tỉnh Bình Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 01/12; con ông P, sinh năm 1974 và bà E, sinh năm 1977; bị cáo có 02 chị, em, lớn sinh năm 1996, nhỏ là bị cáo; chưa vợ, con.

Tiền án: Bản án số 23/2016/HSST ngày 28/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G xử phạt 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 09/10/2017, chấp hành xong việc nộp án phí vào ngày 31/10/2016; tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/4/2019 cho đến nay; có mặt.

3 Bị hại:

3.1 Bà U, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp 40, xã T, huyện B, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Nhà trọ Th, Tổ 5, khu phố H, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3.2 Ông H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, tạm trú: Nhà trọ Th, Tổ 5, khu phố H, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

4 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1 Bà Th, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 08, đường Thái Bình 1, phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

4.2 Ông L, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp 40, xã T, huyện B, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Nhà trọ Th, Tổ 5, khu phố H, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Cao K và Trần Minh L có mối quan hệ là bạn với nhau.

Khoảng 03 giờ ngày 02/4/2019, L gọi điện thoại nói với K đi đến quán Net số 39 thuộc phường G, thị xã A, tỉnh Bình Dương chở L đi tìm xe mô tô không người trông coi để chiếm đoạt. K đồng ý rồi điều khiển xe mô tô biển số 61B1–226.32 và cầm theo 01 thanh kim loại đến quán Net số 39 đón K. Sau đó, K điều khiển xe mô tô chở L đi đến địa bàn thuộc xã V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương tìm xe mô tô để chiếm đoạt. Khi đi đến ấp N, xã V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương thì bị tổ tuần tra Công an xã V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương phát hiện có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu K dừng xe lại kiểm tra hành chính. Tổ tuần tra phát hiện K cất giấu trong người 01 thanh kim loại nên mời K và L về trụ sở Công an xã V, thị xã TU để làm việc. Tại Công an xã V, Nguyễn Cao K và L khai nhận:

Khoảng 04 giờ ngày 28/02/2019, K rủ L cùng đi tìm xe mô tô không người trông coi để chiếm đoạt, L đồng ý. Sau đó, K lấy 01 cái kìm cắt để trong ba lô, 01 cây đoản và 01 thanh kim loại để trong túi quần rồi cùng L đón xe ôm đến ngã ba gần khu nhà trọ Th thuộc Tổ 5, khu phố H, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương thì K và L thì xuống xe. Thấy bên trong dãy nhà trọ Th có nhiều xe mô tô nên K dùng kìm cắt ổ khóa cổng nhà trọ. Sau đó K đến trước phòng trọ số 16 của bà U dẫn xe mô tô 68B1 – 312.50 đi ra ngoài cổng nhà trọ, còn L đến phía trước phòng trọ số 11 của ông H dẫn xe 59X1 – 215.11 đi ra ngoài cổng nhà trọ. K dùng cây đoản mang theo bẻ ổ khóa xe 68B1–312.50 và xe 59X1–215.11. Sau đó K điều khiển xe mô tô biển số 68B1–312.50, còn L điều khiển xe mô tô biển số 59X1–215.11 chạy về cất giấu tại một bụi cây cách phòng trọ của K khoảng 500 mét rồi về phòng trọ của K để ngủ.

Khoảng 06 giờ ngày 28/02/2019 K đến phòng trọ của nguwòi quen tên Tuấn thuộc phường G, thị xã A, tỉnh Bình Dương và nói muốn bán 02 xe mô tô do K chiếm đoạt, Tuấn đồng ý và cùng với 02 đối tượng không rõ tên đi đến vị trí để xe 68B1– 312.50 và xe 59X1 – 215.11 rồi mua 02 xe này với số tiền là 9.500.000 đồng (*Chín triệu năm trăm ngàn đồng*). K đưa cho 02 người đàn ông số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) để thay ổ khóa và đưa cho L số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*), K giữ lại số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Trong quá trình điều tra Nguyễn Cao K và L còn khai nhận: ngày 30/3/2019 K và L thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 62Y1 – 6603 tại nhà trọ Nguyễn Thị Ngọc Hạnh thuộc Tổ 15, khu phố N, phường G, thị xã A, tỉnh Bình Dương. Do vụ việc xảy ra vi trên địa bàn phường G, thị xã A, tỉnh Bình Dương nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã TU ban hành Công văn số 380 ngày 06/5/2019 gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A, tỉnh Bình Dương để tiến hành phối hợp điều tra.

Công an xã V chuyển giao K và L cùng hồ sơ vụ việc cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU thụ L theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 102/KLTS–TTHS ngày 02/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã TU kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future, màu đen xám vàng, biển số 59X1 – 215.11 trị giá là 15.650.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ bạc, biển số 68B1 – 312.50 trị giá là 13.300.000 đồng, tổng cộng trị giá 28.950.000 đồng (*Hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng*).

Cáo trạng số 107/CT-VKS.TU ngày 12/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Cao K và L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Cao K và L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Cao K từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584 và 590 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận về việc các bị cáo liên đới bồi thường cho bà U số tiền 13.300.000 đồng và ông H số tiền 15.650.000 đồng.

- Về xử L vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy vật chứng gồm:

+ 01 thanh kim loại dài khoảng 05cm, một đầu hình lục giác, một đầu mài dẹp;

+ 02 thanh kim loại dài khoảng 04cm, một đầu hình lục giác, một đầu mài dẹp;

+ 01 thanh kim loại dài khoảng 12 cm;

+ 01 đôi dép quai kẹp màu đỏ Kappa;

+ 01 kiềm cắt màu đen.

Đối với đối tượng tên Tuấn và 02 đối tượng đi cùng Tuấn có hành vi tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có. Kết quả điều tra đến nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU, tỉnh Bình Dương chưa xác định được nhân thân lai lịch của các đối tượng này. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU sẽ tiếp tục điều tra xác minh xử L sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, bị hại bà U yêu cầu các bị cáo bồi thường trị giá xe mô tô biển số 68B1–312.50 theo kết quả định giá là 13.300.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên toà bị hại ông H trình bày: Chiếc xe mô tô biển số 59X1 – 215.11 do ông Huy mua nhưng do đăng ký hộ khẩu tại tỉnh Quảng Ngãi nên nhờ bà Th, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 08 Thái Bình 1, phường Long Bình, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên giúp. Yêu cầu các bị cáo bồi thường trị giá xe mô tô biển số 59X1 – 215.11 theo kết quả định giá là 15.600.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L trình bày: Ông L là chồng của bà U. Chiếc xe mô tô biển số 68B1–312.50 đứng tên bà U. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của U và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã TU, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã TU, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Bà Th vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ xác định chỉ đứng tên giúp ông H trong Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59X1 – 215.11. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Hoan.

[3] Về tội danh và khung hình phạt: Lời khai của các bị cáo Nguyễn Cao K và L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Ngày 28/02/2019, tại nhà trọ Th thuộc Tổ 5, khu phố H, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Cao K và L đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 59X1– 215.11 của ông H và xe mô tô biển số 68B1–312.50 của bà U. Theo kết luận định giá tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt 28.950.000 đồng (*Hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng*).

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi và thái độ coi thường pháp luật nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Cao K và L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Cao K không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo L đã bị xử phạt 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", chưa được xoá án tích nay lại phạm tội mới nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Xét thấy bị cáo L có tiền án, bị cáo K có nhân thân xấu nhưng các bị cáo đã ăn năn hối cải và được bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

[7] Về xử L vật chứng: Căn cứ các điều 46 và 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với các vật chứng gồm: 01 thanh kim loại dài khoảng 05cm, một đầu hình lục giác, một đầu mài dẹp; 02 thanh kim loại dài khoảng 04cm, một đầu hình lục giác, một đầu mài dẹp; 01 thanh kim loại dài khoảng 12 cm; một đôi dép quai kẹp màu đỏ Kappa và 01 kiềm cắt màu đen đều là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà bị hại U yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 13.300.000 đồng và bị hại ông H yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 15.650.000 đồng. Các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Xét thấy, ý kiến của các bị cáo và bị hại là tự nguyện, phù hợp Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584 và 590 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội, bị kết án và phải bồi thường thiệt hại nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 106, 135, 136, 268, 269, 298, 299, 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Các Điều 38, 46, 47 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Cao K và L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo L 02 (Hai) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 02/4/2019.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Cao K 02 (Hai) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 02/4/2019.

3. Về xử L vật chứng: Căn cứ các Điều 46 và 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 (Một) thanh kim loại dài khoảng 05cm, một đầu hình lục giác, một đầu mài dẹp; 02 (Hai) thanh kim loại dài khoảng 04cm, một đầu hình lục giác, một đầu mài dẹp; 01 (Một) thanh kim loại dài khoảng 12 cm; 01 (Một) đôi dép quai kẹp màu đỏ Kappa và 01 (Một) kiềm cắt màu đen.

(*Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/7/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thị xã TU và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU*).

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Cao K và L phải liên đới bồi thường cho ông H số tiền 15.650.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và bà U số tiền 13.300.000 đồng (*Mười ba triệu ba trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

5. Về án phí sơ thẩm:

5.1 Các bị cáo Nguyễn Cao K và L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5.2 Các bị cáo Nguyễn Cao K và L phải liên đới nộp số tiền 1.447.500 đồng *(Một triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

6.1 Các bị cáo, bị hại và nguwòi có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6.2 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã TU (01);
- Công an thị xã TU (03);
- Chi cục THADS thị xã TU (01);
- Người tham gia tố tụng (04);
- Lưu: VT, HS (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đào Văn Hưng